

Bản án số: 1179/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6 /2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 0408/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết T**

Địa chỉ: 13.02 A2 Cantavil, Đường X, Phường A, Tp. T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngân H.

Địa chỉ: Phòng G-2801, tháp G, Tòa nhà The Manor Officetel, số 91 đường B, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Hoàng Đức K**

Địa chỉ: 15.07 Lô G, Khu dân cư Miếu Nổi, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/3/2021, tại Bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn là bà Phạm Thị Tuyết T trình bày:

Bà và ông Hoàng Đức K tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, Thành phố C theo giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyền số 01.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên bắt đầu quan điểm trong sinh hoạt cuộc sống vợ chồng và gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

và không thể hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung là:

1/ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008

2/ Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/11/2013

Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008 và Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/22/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Đức K trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Tuyết T tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, Thành phố C theo giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 01.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm trong sinh hoạt cuộc sống vợ chồng và gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K đồng ý với yêu cầu được ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung là:

1/ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008

2/ Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/11/2013

Ông K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/11/2013 và yêu cầu giao trẻ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Xin được ly hôn với ông Hoàng Đức K

Về con: Xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Xin tự giải quyết

Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2023 và ông xin giữ nguyên lời trình bày của ông về vụ án tại phiên tòa xét xử ngày 01/6/2023

Ông K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T

Về con: Ông K xin được nuôi dưỡng 02 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Xin tự giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số: 163 /PB-VKS-HNGĐ ngày 30/6/2023.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm thị Tuyết T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008 và Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/11/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giữa bà Phạm Thị Tuyết T và ông Hoàng Đức K là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do ông K cư trú tại quận Bình Thạnh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 01 ngày 05/11/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, quận N, Thành phố C, thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà Phạm Thị Tuyết T muốn ly hôn với ông Hoàng Đức vì lý do tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét,

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà T và ông K trong thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, tính cách không phù hợp, nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông K. Đồng thời ông K cũng đồng ý ly hôn với bà T. Vì vậy, việc ly hôn giữa bà T và ông K là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Bản sao Giấy khai sinh số 470, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường H, quận N, Thành phố C cấp bản sao ngày 02/7/2014 cho Hoàng Phạm Phương T1, sinh ngày 19/8/2008; Bản sao Giấy khai sinh số 367/2013, quyển số

02/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 03, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/22/2013, tất cả giấy khai sinh cho 02 con trên đều thể hiện cha là ông Hoàng Đức K và mẹ là bà Phạm Thị Tuyết T, như vậy có cơ sở xác định giữa bà T và ông K có hai con chung là trẻ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008 và Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/22/2013.

Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Hoàng Phạm Phương T1 và trẻ Hoàng Phạm Quốc T2. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Hoàng Phạm Phương T1 và trẻ Hoàng Phạm Quốc T2. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để khẳng định giữa bà T và ông K rất quyết tâm yêu cầu Hội đồng xét xử cho được nuôi dưỡng 02 con chung, qua đó đã cho thấy tình cảm hết sức tốt đẹp của người mẹ và cha rất thương con. Nhưng ở đây Hội đồng xét xử xét thấy việc thương yêu chăm sóc con cần phải có hành động thiết thực, cụ thể, để tạo điều kiện tốt nhất cho con về sức khỏe, học hành và phát triển tâm sinh lý...

Theo chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, đồng thời theo nguyện vọng của 02 con trong bản tự khai tại tòa ngày 08 tháng 9 năm 2022 của cháu Hoàng Phạm Phương T1 và Hoàng Phạm Quốc T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phạm Thị Tuyết T.

Ngoài ra, hiện tại bà T là giảng viên của Trường Đại học G Tp. Hồ Chí Minh được bổ nhiệm làm Phó khoa, Khoa kinh tế quốc tế theo Quyết định 1788/QĐ-ĐHG ngày 13/10/2021. Qua đây, thể hiện bà T là một giảng viên của một Trường đại học sẽ có nhiều kiến thức cũng như phương pháp giáo dục cho các cháu tốt hơn.

Từ những nhận định trên đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 trẻ T1 và T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn so với ông K.

Bà T đủ điều kiện kinh tế nên không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên chấp nhận

Về tài sản chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí DSST: 300.000 đồng bà T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Tuyết T được ly hôn với ông Hoàng Đức K.

Về con chung: Giao cho bà Trinh được nuôi dưỡng 02 trẻ là:

1/ Hoàng Phạm Phương T1 – sinh ngày 19/8/2008

2/ Hoàng Phạm Quốc T2 – sinh ngày 30/11/2013

Bà T đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông K cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Ông K được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con. Vì quyền lợi của con khi cần thiết đôi bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST: là 300.000 đồng, bà T phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0049789 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. T;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận N, Thành phố C;
- Lưu HS (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Huệ